

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số:195/2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua nâng chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều
giai đoạn 2016 - 2020, áp dụng trong 02 năm (2019 - 2020)
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về
đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng
Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể “chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường
nghèo từ đơn chiều sang đa chiều giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai
đoạn 2016 - 2020;*

*Xét Tờ trình số 9450/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về nâng chuẩn hộ nghèo, hộ cận
nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020, áp dụng trong 02 năm (2019 - 2020)
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, Hội
đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua nâng chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều
giai đoạn 2016 - 2020, áp dụng trong 02 năm (2019 - 2020) trên địa bàn
thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:**

1. Chuẩn hộ nghèo

a) Khu vực nông thôn: Là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.300.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.300.000 đồng đến 1.600.000 đồng và thiếu hụt từ 03/12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Khu vực thành thị: Là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 1.900.000 đồng và thiếu hụt từ 03/12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Chuẩn hộ cận nghèo

a) Khu vực nông thôn: Hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.300.000 đồng đến 1.600.000 đồng và thiếu hụt dưới 03/12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Khu vực thành thị: Hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 1.900.000 đồng và thiếu hụt dưới 03/12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Các tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

a) Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ): giáo dục; y tế; nhà ở; tiếp cận nước và vệ sinh; tiếp cận thông tin; việc làm;

b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt (12 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; tiếp cận các dịch vụ y tế; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở; sở hữu nhà ở; nguồn nước sinh hoạt; nhà vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản và điều kiện phục vụ tiếp cận thông tin; việc làm; bảo hiểm xã hội.

Điều 2: Các chính sách giảm nghèo

1. Chính sách hỗ trợ giáo dục

a) Hỗ trợ 100% học phí đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo chuẩn của thành phố.

b) Hỗ trợ 50% học phí đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn của thành phố;

c) Hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo chuẩn của thành phố với mức hỗ trợ 100.000 đồng/học sinh/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học.

2. Chính sách hỗ trợ y tế

a) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình nghèo theo chuẩn của thành phố;

b) Hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn của thành phố.

3. Chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở

a) Hỗ trợ xây mới nhà ở 35.000.000 đồng/nhà cho hộ nghèo. Trong đó nguồn ngân sách nhà nước đối ứng 40% cho Quỹ “Vì người nghèo”;

b) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở 20.000.000 đồng/nhà cho hộ nghèo. Trong đó, nguồn ngân sách thành phố đối ứng 20% và ngân sách quận, huyện đối ứng 20% cho Quỹ “Vì người nghèo”. Ngoài ra, các địa phương vận động các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ sửa chữa nhà cho hộ nghèo nhằm đảm bảo các tiêu chí nhà ở theo quy định.

4. Chính sách hỗ trợ tín dụng: Hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ cho hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2018 hoàn trả vốn vay đúng hạn và thoát nghèo.

5. Chính sách hỗ trợ tiền điện: Hỗ trợ tiền điện theo mức quy định của Trung ương cho hộ nghèo theo chuẩn của thành phố.

6. Chính sách bảo trợ xã hội hàng tháng

a) Trợ cấp hàng tháng 500.000 đồng/người đối với người thuộc hộ nghèo mắc bệnh ung thư, suy thận mãn chạy thận nhân tạo có giấy chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

b) Trợ cấp hàng tháng 300.000 đồng/người đối với người đã được hưởng các chính sách bảo trợ xã hội hiện hành và 500.000 đồng/người đối với người già yếu, người khuyết tật, trẻ mồ côi, ốm đau thường xuyên chưa đủ điều kiện được hưởng chính sách bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo theo chuẩn Trung ương và hộ nghèo không còn sức lao động.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 108/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của HĐND

thành phố về thông qua chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND thành phố về thông qua Đề án giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Nho Trung